Số: 4258/TB-SNV
Thời gian ký: 2025-12-02T14:33:58+07:00

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN - KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2024 CỦA TỈNH GIA LAI (CŨ)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNV ngày tháng 12 năm 2025 của Sở Nội vụ)

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký dự tuyển	Phòng, ban chuyên môn	Vị trí việc làm	Đối tượng ưu tiên	Tên ngạch công chức dự tuyển	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
1	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	380235	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/04/1991	Nữ	Kinh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Phòng Công tác Quốc hội	Theo dõi công tác Kinh tế - Ngân sách		Chuyên viên	95.4	
2	380258	Đỗ Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	02/06/1998	Nữ	Kinh	Sở Y tế	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	Quản lý công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình		Chuyên viên	97	
3	380149	Bùi Trường	Nam	06/04/1991	Nam	Kinh	Sở Y tế	Văn phòng	Công nghệ thông tin	Sĩ quan dự bị	Chuyên viên	63.4	
4	380339	Nguyễn Thị Phương	Thủy	09/12/1991	Nữ	Kinh	Sở Y tế	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	Kế toán		Kế toán viên	60.8	
5	380050	Rcom H'	Gưn	23/04/1997	Nữ	Jrai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình	Quản lý lĩnh vực gia đình	Người DTTS	Chuyên viên	93.5	
6	380126	Nguyễn Thị	Linh	18/05/2000	Nữ	Kinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn phòng	Tổng hợp		Chuyên viên	67.6	
7	380060	Lê Thị	Hằng	08/02/1993	Nữ	Kinh	Sở Thông tin Truyền thông	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	Quản lý Báo chí		Chuyên viên	81	
8	380218	Vũ Đức	Tài	12/01/2001	Nam	Kinh	Sở Tài chính	Thanh tra	Thanh tra		Chuyên viên	97.9	
9	380186	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	10/10/1987	Nữ	Kinh	Sở Tài chính	Phòng Quản lý Giá Công sản	Quản lý giá và thẩm định giá		Chuyên viên	97.1	
10	380256	Võ Thị	Thủy	19/05/1990	Nữ	Kinh	Sở Tài chính	Phòng Quản lý ngân sách	Quản lý ngân sách		Chuyên viên	86	
11	380009	Hồ Lê Hoàng	Bảo	03/03/1990	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Thủy lợi: Phòng Thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn		Chuyên viên	68.9	
12	380249	Nguyễn Đức	Thuận	10/5/1986	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Thủy lợi: Phòng Tổng hợp và Phòng chống thiên tai	Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão	Con thương binh	Chuyên viên	67	
13	380407	Nguyễn Anh	Tú	24/9/1998	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Chốt chặn Song An	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	97.3	
14	380364	Phạm Ngọc	Hòa	22/8/1982	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đoàn kiểm tra liên ngành số 1	Kiểm lâm	Con thương binh	Kiểm lâm viên	86.3	
15	380346	Nguyễn Dương Thế	Anh	24/8/1995	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đoàn kiểm tra liên ngành số 2	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	64.5	
16	380391	Cao Ngọc	Quý	22/12/1985	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 1	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	95.8	
17	380377	Nguyễn Thế	Lạc	09/5/1985	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 1	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	80.4	
18	380385	Đoàn Quang	Nhật	01/9/1998	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 1	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	50.1	
19	380375	Giàng A	Khày	06/07/1997	Nam	Mông	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 3	Kiểm lâm	Người DTTS	Kiểm lâm viên	102.5	
20	380351	Lê Đức	Cường	18/11/1993	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 3	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	99.8	
21	380378	Trương Công	Lợi	08/7/1995	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Đội Kiểm lâm cơ động & PCCCR số 3	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	67.4	
22	380369	Phan Đại	Hưng	27/7/1999	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Prông	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	76.5	
23	380393	Giàng A	Sao	15/01/1991	Nam	Mông	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Prông	Kiểm lâm	Người DTTS	Kiểm lâm viên	55.4	
24	380350	Thào A	Cho	02/9/1996	Nam	Mông	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Prông	Kiểm lâm	Người DTTS	Kiểm lâm viên	55	
25	380405	Đinh Nguyễn Anh	Trúc	24/01/2001	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Prông	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	52	
26	380381	Cao Văn	Mạnh	09/7/1985	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Pưh	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	93.4	
27	380406	Ngô Quang	Trường	25/9/1998	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Chư Sê	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	68.5	
28	380355	Trần Bình Trọng	Đại	26/3/2000	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Đak Đoa	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	70.4	

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký dự tuyển	Phòng, ban chuyên môn	Vị trí việc làm	Đối tượng ưu tiên	Tên ngạch công chức dự tuyển	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
1	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
29	380408	Hoàng Thế	Vinh	07/6/1986	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Đak Pơ	Kiểm lâm	Con thương binh	Kiểm lâm viên	69.8	
30	380326	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23/09/1993	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Đức Cơ	Kế toán		Kế toán viên	50.5	
31	380395	Lê Thị Thanh	Tâm	16/5/1987	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Ia Pa	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	76.4	
32	380403	Lê Thị	Trang	10/10/1995	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Kbang	Kiểm lâm	Con thương binh	Kiểm lâm viên	79.6	
33	380370	Nguyễn Thành	Hưng	08/9/1995	Nam	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Kông Chro	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	81.8	
34	380340	Trương Thị Thúy	Trang	06/08/1984	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Kông Chro	Kế toán		Kế toán viên	77	
35	380342	Nguyễn Lâm Thiên	Tú	19/09/1990	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Hạt Kiểm lâm huyện Phú Thiện	Kế toán		Kế toán viên	68.5	
36	380422	Trương Thị Kim	Dung	22/9/1989	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Phòng Hành chính, Tổng hợp	Văn thư - Lưu trữ		Văn thư viên trung cấp	72	
37	380402	Nguyễn Thị Thảo	Trang	29/12/1991	Nữ	Kinh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Chi cục Kiểm lâm: Phòng Thanh tra, pháp chế	Kiểm lâm		Kiểm lâm viên	83.8	
38	380210	Ksor H'	Ry	14/07/1997	Nữ	Jrai	Sở Lao động - TB&XH	Phòng Chính sách xã hội	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Người DTTS	Chuyên viên	102.3	
39	380329	Trần Thị Vân	Linh	15/09/1992	Nữ	Kinh	Sở Lao động - TB&XH	Văn phòng	Kế toán		Kế toán viên	92.5	
40	380018	Phạm Bình	Chung	09/11/1997	Nam	Kinh	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Quản lý Tiêu chuẩn chất lượng		Chuyên viên	60.5	
41	380265	Lê Ngọc	Toàn	23/08/1992	Nam	Kinh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng	Quản lý Kế hoạch - Tài chính		Chuyên viên	85.5	
42	380163	Ksor	Nghĩa	27/08/1991	Nam	Jrai	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Quản lý Tiêu chuẩn chất lượng	Người DTTS	Chuyên viên	57.3	Vị trí dành riêng cho người DTTS
43	380125	Nguyễn Vũ Nhật	Linh	25/11/1999	Nữ	Kinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Quy hoạch, Tổng hợp - ODA	Quản lý Kế hoạch và đầu tư (gồm cả vốn ODA)		Chuyên viên	95.6	
44	380261	Ksor A	Tín	15/06/1996	Nam	Jrai	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đấu thầu, Thẩm định và giám sát đầu tư	Thẩm định chủ trương đầu tư	Người DTTS	Chuyên viên	73.8	Vị trí dành riêng cho người DTTS
45	380001	Lê Hoàng	Anh	21/11/1993	Nam	Kinh	Sở Giao thông vận tải	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Kết cấu hạ tầng giao thông		Chuyên viên	100	
46	380066	Nguyễn Thị	Hạnh	10/05/1991	Nữ	Kinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Kế hoạch và Tài chính	Quản lý Tài chính - Kế toán		Chuyên viên	95.5	
47	380114	Nay H'	Lên	13/11/2001	Nữ	Jrai	Huyện Phú Thiện	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Người DTTS	Chuyên viên	102.8	
48	380259	Phạm Văn	Tiến	18/06/1991	Nam	Kinh	Huyện Mang Yang	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Quản lý về xây dựng		Chuyên viên	88.8	
49	380222	Văn Thị Cẩm	Thạch	20/03/1991	Nữ	Kinh	Huyện Mang Yang	Phòng Nội vụ	Quản lý đội ngũ CBCCVC		Chuyên viên	96.6	
50	380262	Trương Vũ	Tín	05/05/1997	Nam	Kinh	Huyện Mang Yang	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Quản lý về đầu tư		Chuyên viên	67.8	
51	380411	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/05/1998	Nữ	Kinh	Huyện Mang Yang	Văn phòng HĐND và UBND	Văn thư lưu trữ		Văn thư viên	51.3	
52	380139	Lê Đức	Mạnh	01/11/1992	Nam	Kinh	Huyện Krông Pa	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai		Chuyên viên	91.9	
53	380307	Đồng Như	Vĩ	26/12/1998	Nam	Kinh	Huyện Krông Pa	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Quản lý kế hoạch và đầu tư		Chuyên viên	71.2	
54	380084	Mai Xuân	Hòa	09/09/1993	Nam	Kinh	Huyện Krông Pa	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Quản lý xây dựng		Chuyên viên	92.9	
55	380049	Ksor	Gơm	18/02/1994	Nam	Jrai	Huyện Kông Chro	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quản lý đất đai	Người DTTS	Chuyên viên	77.1	Vị trí dành riêng cho người DTTS
56	380083	Đặng Thị	Hoa	27/03/1990	Nữ	Kinh	Huyện Kbang	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Quản lý tài chính - ngân sách		Chuyên viên	61.9	
57	380045	Y Lek	Êčăm	02/02/1995	Nam	Ê đê	Huyện Ia Pa	Thanh tra	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người DTTS	Chuyên viên	96.8	
58	380236	Phan Thị Thu	Thảo	04/02/1997	Nữ	Kinh	Huyện Ia Pa	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý về chăn nuôi		Chuyên viên	50.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký dự tuyển	Phòng, ban chuyên môn	Vị trí việc làm	Đối tượng ưu tiên	Tên ngạch công chức dự tuyển	Kết quả thi vòng 2	Ghi chú
1	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
59	380281	Siu H'	Tranh	25/06/1992	Nữ	Jrai	Huyện Ia Pa	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quản lý tài nguyên, khoáng sản	Người DTTS	Chuyên viên	83.9	
60	380436	Rơ Ô H'	Nai	18/08/1996	Nữ	Jrai	Huyện Ia Pa	Phòng Nội vụ	Quản lý tổ chức biên chế và hội	Người DTTS	Chuyên viên	94	Vị trí dành cho thí sinh cử tuyển
61	380030	Nay H'	Dưng	17/06/1998	Nữ	Jrai	Huyện Chư Pưh	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý về thuỷ lợi, theo dõi xây dựng nông thôn mới	Người DTTS	Chuyên viên	62.1	Vị trí dành riêng cho người DTTS
62	380303	Lê Thị	Vang	20/04/1989	Nữ	Kinh	Huyện Chư Pưh	Văn phòng HĐND và UBND	Hành chính - Tổng hợp		Chuyên viên	94.9	
63	380189	Doãn Anh	Phong	19/12/1996	Nam	Kinh	Huyện Chư Pưh	Thanh tra	Thanh tra		Chuyên viên	94.3	
64	380293	Lê Thanh	Tùng	01/01/1999	Nam	Kinh	Huyện Chư Pưh	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Quản lý Xây dựng		Chuyên viên	92.8	
65	380282	Nay	Triệu	23/12/1993	Nam	Jrai	Huyện Chư Prông	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	Người DTTS	Chuyên viên	84	
66	380077	Đinh Thị Thu	Hiền	18/05/1990	Nữ	Kinh	Huyện Chư Prông	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý về chăn nuôi		Chuyên viên	60.8	
67	380266	Đinh Ngọc	Toàn	10/12/1992	Nam	Kinh	Huyện Chư Prông	Văn phòng HĐND và UBND	Công nghệ thông tin		Chuyên viên	66.5	
68	380313	Ksor H'	Vui	08/07/2000	Nữ	Jrai	Huyện Chư Păh	Phòng Dân tộc	Theo dõi công tác dân tộc	Người DTTS	Chuyên viên	103.8	Vị trí dành riêng cho người DTTS
69	380144	Nguyễn Thị	Mùi	08/08/1991	Nữ	Kinh	Huyện Chư Păh	Phòng Văn hóa và Thông tin	Quản lý du lịch	Con bệnh binh	Chuyên viên	105	
70	380239	Nguyễn Hữu	Thịnh	30/04/1997	Nam	Kinh	Thị xã Ayun Pa	Phòng Quản lý đô thị	Quản lý xây dựng		Chuyên viên	94.3	
71	380285	Nguyễn Ksor Thị Thanh	Trúc	16/07/1987	Nữ	Jrai	Thị xã Ayun Pa	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Quản lý tài chính - ngân sách	Người DTTS	Chuyên viên	83	

Danh sách này gồm có 71 thí sinh./.